

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-12-2023
*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đông

Ông Trần Phi Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khố phố Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1989; địa chỉ: Khố phố Phương Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quốc Tuấn trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm giữa ông và bà P không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông và bà P có 01 con chung là Lê Hoài A, sinh ngày 25/3/2015. Nguyên vọng của ông khi ly hôn là giao cháu A cho bà P nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 30/10/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của ông T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và hôn nhân của bà và ông T là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xích mích, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại Đơn trình bày ngày 20/11/2023 bà P gửi cho Tòa án bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Tuấn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Lê Hoài A, sinh ngày 25/3/2015. Bà đồng ý với ý kiến của ông T khi ly hôn giao cháu A cho bà nuôi đến khi cháu A đủ 18 tuổi, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà P đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông T và bà P là hợp pháp. Theo trình bày của ông T thì trong quá trình chung sống vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, nên hôn nhân của vợ chồng ông không có hạnh phúc. Nay ông không còn tình cảm với bà P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P. Tại Đơn ngày 20/11/2023 bà P gửi cho Tòa án, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Tuấn, đồng thời tại Đơn ngày 27/11/2023, bà P gửi cho Tòa án bà trình bày mâu thuẫn vợ chồng bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa mà đưa vụ án ra xét xử và bà xin Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Từ những nội dung đã phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà P là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng ông T và bà P có 01 con chung là Lê Hoài A, sinh ngày 25/3/2015. Nguyên vọng của ông T khi ly hôn là giao cháu A cho bà P nuôi đến khi cháu An đủ 18 tuổi, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng và bà P đồng ý với ý kiến của ông T. Mặc dù, tại bản trình bày của cháu A cháu có nguyện vọng muốn ở với ba và mẹ, nhưng xét thấy ông T có đơn yêu cầu ly hôn, bà Phúc cũng đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T và hiện bà P có công việc, thu nhập ổn định, bảo đảm các điều kiện nuôi con, nên giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, là phù hợp với Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và bà P thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con của ông P nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc T về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Hoài A, sinh ngày 25/3/2015 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lê Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 (*ba triệu đồng*).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Ông Lê Quốc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012182 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, ông T còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí còn lại.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- UBND xã G, B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Vân

